

Số: 29 /QĐ-THPTTBBD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai tài sản công năm 2025 của Trường THPT Tân Bình – Bình Dương

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 ;
Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ tình hình thực tế của trường THPT Tân Bình – Bình Dương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai tài sản công năm 2025 (Kèm các biểu mẫu số 09a-CK/TSC; 09b-CK/TSC; 09c-CK/TSC; 09d-CK/TSC; 09đ-CK/TSC).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Hiệu trưởng, Kế toán và các bộ phận có liên quan chịu trách thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu VT;



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thế Cường

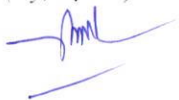
Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương
Mã đơn vị: 1015604
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09a-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẴM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện mua sắm (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	Tổng cộng												

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)


Hà Thị Thùy

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Cường

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương
Mã đơn vị: 1015604
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09b-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP
Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22
1	Đất trường tại KP Công Xanh, TT Tân Bình, huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	19.611	9.631.599		19.611																
2	Quyền sử dụng đất tại Đường tỉnh 747, Ấp 3, Xã Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương	29.643	14.228.640	29.643																	
3	Các dãy nhà									2022	8.318	65.631.986	63.006.707		8.318						
4	Nhà bảo vệ									2002	9	15.786	1.894	9							
5	Nhà tập thể - 2 phòng									2005	53	24.000		53							
6	Nhà tập thể - 3 phòng									2003	72	30.000		72							
7	Nhà tập thể - 3 phòng									2000	72	23.181		72							

STT		Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất										Công khai về nhà										Ghi chú
			Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)					Năm sử dụng	Tổng diện tích sản phẩm sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sản sử dụng (m2))					Sử dụng khác				
					Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp						Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp									
						Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22		
8	Nhà tập thể - 4 phòng									2016	280	999.217	466.035	280									
9	Nhà tập thể - 5 phòng									2002	140	47.423		140									
10	Phòng học									2002	2.650	3.847.865	461.744	2.650									
11	Phòng làm việc, phòng chức năng									2002	2.350	5.177.577	621.309	2.350									
	Tổng cộng:	49.254	23.860.239	29.643	19.611						13.944	75.797.035	64.557.689	5.626	8.318								

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Hà Thị Thùy

Hà Thị Thùy

Ngày 20 tháng 01 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Cường

Nguyễn Thế Cường



Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số 09c-CK/TSC

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương

Mã đơn vị: 1015604

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CÓ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Tài sản cố định khác		573	9.756.022	9.109.512	646.510	3.862.428						
1	Ampli - Loa thùng - Micro	Phòng Ngoại ngữ 1	1	10.673	10.673		6.404						
2	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
3	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
4	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
5	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
6	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
7	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
8	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
9	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
10	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
11	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
12	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
13	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
14	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
15	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
16	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
17	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
18	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
19	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
20	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
21	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
22	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
23	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
24	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A3	1	21.950	21.950		13.170						
25	Máy vi tính	Trường THPT Tân Bình	4						x				
26	Máy tính văn phòng	Văn Phòng	1	22.550	22.550		13.530						
27	Máy tính văn phòng	Văn Phòng	1	22.550	22.550		13.530						
28	Máy tính thương hiệu VN	Trường THPT Tân Bình	35	502.250		502.250							
29	Máy tính thương hiệu VN	Trường THPT Tân Bình	1	16.260		16.260							
30	Máy tính phòng Y tế	Phòng Y tế	1	22.550	22.550		13.530						
31	Máy tính phòng Thư Viện	Phòng Thực hành Lý	1	22.550	22.550		13.530						
32	Máy tính phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng tầng 2	1	22.550	22.550		13.530						
33	Máy tính phòng Phó Hiệu trưởng	Phòng Phó Hiệu trưởng tầng 3	1	22.550	22.550		13.530						
34	Máy tính phòng KT	Phòng Kế toán	1	22.550	22.550		13.530						
35	Máy tính phòng Hiệu trưởng	Phòng Hiệu trưởng	1	22.550	22.550		13.530						
36	Máy tính laptop Dell	Trường THPT Tân Bình	1	10.800	10.800				x				
37	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
38	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
39	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
40	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
41	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
42	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
43	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
44	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A4	1	21.950	21.950		13.170						
45	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
46	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
47	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
48	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
49	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
50	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
51	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
52	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
53	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
54	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
55	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
56	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
57	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
58	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
59	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
60	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
61	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
62	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
63	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
64	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
65	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
66	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
67	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
68	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
69	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
70	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
71	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
72	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
73	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
74	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
75	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
76	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
77	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
78	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
79	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
80	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
81	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
82	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
83	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
84	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
85	Máy tính giáo viên phòng Tin học	Phòng thực hành Tin học	1	21.977	21.977		13.186						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguyên sách	Nguyên khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
86	Máy tính giáo viên phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	21.855	21.855		13.113						
87	Máy tính giáo viên	Phòng ngoại ngữ 2	1	16.699	16.699		10.019						
88	Máy tính HS phòng NN1	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.231	14.231		8.539						
89	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
90	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A5	1	21.950	21.950		13.170						
91	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A5	1	21.950	21.950		13.170						
92	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A1	1	12.500	12.500		7.500						
93	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A4	1	12.500	12.500		7.500						
94	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A6	1	12.500	12.500		7.500						
95	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A4	1	12.500	12.500		7.500						
96	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A7	1	12.500	12.500		7.500						
97	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A8	1	12.500	12.500		7.500						
98	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A6	1	12.500	12.500		7.500						
99	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A5	1	12.500	12.500		7.500						
100	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A5	1	12.500	12.500		7.500						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
101	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A3	1	12.500	12.500		7.500						
102	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A3	1	12.500	12.500		7.500						
103	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A5	1	12.500	12.500		7.500						
104	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A3	1	12.500	12.500		7.500						
105	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A3	1	12.500	12.500		7.500						
106	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A4	1	12.500	12.500		7.500						
107	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A2	1	12.500	12.500		7.500						
108	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A4	1	12.500	12.500		7.500						
109	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A2	1	12.500	12.500		7.500						
110	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A1	1	12.500	12.500		7.500						
111	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A6	1	12.500	12.500		7.500						
112	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A1	1	12.500	12.500		7.500						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguyên sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
113	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A3	1	12.500	12.500		7.500						
114	Tủ trưng bày phòng Thiết bị	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875						
115	Tủ trưng bày phòng Thiết bị	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875						
116	Tủ trưng bày	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875						
117	Tủ trưng bày	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875						
118	Tủ hồ sơ sắt	Trường THPT Tân Bình	3	17.670	17.670				x				
119	Tủ hồ sơ sắt	Trường THPT Tân Bình	1	5.980	5.980				x				
120	Tủ hồ sơ 09K2 HP	Trường THPT Tân Bình	1	5.850	5.850				x				
121	Tủ hồ sơ	Trường THPT Tân Bình	1	6.275	6.275				x				
122	Tủ hồ sơ	Trường THPT Tân Bình	1	6.500	6.500				x				
123	Tủ đựng dụng cụ, thiết bị chuyên ngành y tế và thuốc chữa bệnh	Phòng Thực hành Lý	1	11.600	11.600		9.280						
124	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A1	1	12.500	12.500		7.500						
125	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A5	1	12.500	12.500		7.500						
126	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A1	1	12.500	12.500		7.500						
127	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A5	1	12.500	12.500		7.500						
128	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A4	1	12.500	12.500		7.500						
129	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A2	1	12.500	12.500		7.500						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
130	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A8	1	12.500	12.500		7.500						
131	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A2	1	12.500	12.500		7.500						
132	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A5	1	12.500	12.500		7.500						
133	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A1	1	12.500	12.500		7.500						
134	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A4	1	21.950	21.950		13.170						
135	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 12A2	1	12.500	12.500		7.500						
136	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A7	1	12.500	12.500		7.500						
137	Máy vi tính FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	1	14.450	14.450				x				
138	Máy vi tính FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	4	57.800	57.800				x				
139	Máy vi tính FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	35	455.000	455.000				x				
140	Máy Vi tính Dell vos 15 3580	Trường THPT Tân Bình	2	25.972	25.972								
141	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A4	1	21.950	21.950		13.170						
142	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A1	1	21.950	21.950		13.170						
143	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A2	1	21.950	21.950		13.170						
144	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A7	1	21.950	21.950		13.170						
145	Máy vi tính FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	2	24.800	24.800				x				
146	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A2	1	21.950	21.950		13.170						
147	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A1	1	21.950	21.950		13.170						
148	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A3	1	21.950	21.950		13.170						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
149	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A8	1	21.950	21.950		13.170						
150	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A3	1	21.950	21.950		13.170						
151	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A6	1	21.950	21.950		13.170						
152	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A1	1	21.950	21.950		13.170						
153	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 10A2	1	21.950	21.950		13.170						
154	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 11A6	1	21.950	21.950		13.170						
155	Máy vi tính bàn lớp học	Lớp 12A5	1	21.950	21.950		13.170						
156	Máy vi tính FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	4	44.296	44.296				x				
157	Máy vi tính FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	3	33.222	33.222				x				
158	Máy vi tính INTEL CORB2DUO-E7500-2.93GHZ	Trường THPT Tân Bình	1	16.500	16.500				x				
159	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A2	1	12.500	12.500		7.500						
160	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A3	1	12.500	12.500		7.500						
161	Tủ để chân, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 11A4	1	12.500	12.500		7.500						
162	Tivi LED Chuẩn Full HD 60" + kèm giá treo Tivi	Phòng ngoại ngữ 2	1	41.211	41.211		32.969						
163	Tivi LCD LA-32A450CIXXV	Trường THPT Tân Bình	1	16.500	16.500				x				
164	Tivi LCD 32S8	Trường THPT Tân Bình	3	41.745	41.745				x				
165	Ti vi JVC53 in	Trường THPT Tân Bình	1	51.750	51.750				x				
166	Thiết bị kiểm tra đánh giá cho học sinh	Trường THPT Tân Bình	2	96.560	96.560				x				
167	Smart Tivi Sam Sung	Trường THPT Tân Bình	1	10.000		10.000	2.000						
168	Phần mềm quản lý giảng dạy có bản quyền Mythware Classroom Management cho 48 học viên	Phòng Ngoại ngữ 1	1	38.367	38.367		23.020						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Ngìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
169	Phần mềm quản lý giảng dạy có bản quyền Mythware Classroom Management cho 48 học viên	Phòng thực hành Tin học	1	37.310	37.310		22.386						
170	Ôn áp Robot 20KVA	Trường THPT Tân Bình	1	10.450	10.450				x				
171	Ôn áp 20KVA	Trường THPT Tân Bình	1	10.440		10.440	3.915						
172	Ôn áp 1 pha	Phòng ngoại ngữ 2	1	16.485	16.485		12.363						
173	Ôn áp 1 pha	Phòng thực hành Tin học	1	20.240	20.240		15.180						
174	Ôn áp 1 pha	Phòng Ngoại ngữ 1	1	20.127	20.127		15.095						
175	Ôn áp	Trường THPT Tân Bình	1	11.635	11.635				x				
176	Micro không dây AKG WMS40 mini doal vocal set	Trường THPT Tân Bình	1	5.650	5.650				x				
177	Micro AKG WMS 40 PRONSINI 2	Trường THPT Tân Bình	1	6.600	6.600				x				
178	Tủ để chăn, chiếu, mũ, áo mưa, ... dùng cho học sinh trung học phổ thông (mỗi phòng 2 cái)	Lớp 10A6	1	12.500	12.500		7.500						
179	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
180	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
181	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
182	Bàn thí nghiệm Lý của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm (tủ bộ nguồn)	Phòng Thực hành Lý	1	32.608	32.608		24.456						
183	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ tích hợp bồn rửa mắt khẩn cấp	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	21.516	21.516		12.909						
184	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ tích hợp bồn rửa mắt khẩn cấp	Phòng Thực hành sinh	1	19.854	19.854		14.891						
185	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
186	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
187	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
188	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
189	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
190	Bàn thí nghiệm môn công nghệ của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm	Phòng Thực hành công nghệ	1	32.608	32.608		24.456						
191	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
192	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
193	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
194	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		8.275						
195	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
196	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
197	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
198	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
199	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		8.275						
200	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
201	Bàn thí nghiệm Sinh của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm	Phòng Thực hành sinh	1	30.036	30.036		22.527						
202	Bảng tương tác cho giáo viên có giá đỡ	Trường THPT Tân Bình	25										
203	Bảng tương tác cho giáo viên có giá đỡ kèm phần mềm soạn	Trường THPT Tân Bình	2	170.998	170.998				X				
204	Camera quan sát	Trường THPT Tân Bình	1	19.398	19.398				X				
205	Bộ salon gỗ	Phòng Hiệu trưởng	1	34.500	34.500		25.875						
206	Bộ salon	Trường THPT Tân Bình	1	18.500	18.500				X				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
207	Bộ lọc nước giếng sinh hoạt còn gọi Hệ thống lọc nước giếng khoan, đạt tiêu chuẩn nước nhà máy cung ứng	Phòng Thực hành Lý	1	52.000	52.000		31.200						
208	Bộ khuếch đại đường truyền 8 công Hiclass V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	25.753	25.753		19.315						
209	Bộ hóa chất Sinh (GV+HS) lớp 11	Phòng Thực hành sinh	1	22.500	22.500		13.500						
210	Bộ hóa chất Sinh (GV+HS) lớp 10	Phòng Thực hành sinh	1	21.500	21.500		12.900						
211	Bộ hóa chất Hóa 12 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.383	32.383		19.430						
212	Bộ hóa chất Hóa 12 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.383	32.383		19.430						
213	Bộ hóa chất Hóa 12 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.383	32.383		19.430						
214	Bộ hóa chất Hóa 11 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	28.580	28.580		17.148						
215	Bộ hóa chất Hóa 11 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	28.580	28.580		17.148						
216	Bộ hóa chất Hóa 11 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	28.580	28.580		17.148						
217	Bộ hóa chất Hóa 10 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	25.187	25.187		15.112						
218	Bộ hóa chất Hóa 10 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	25.187	25.187		15.112						
219	Bộ hóa chất Hóa 10 (GV+HS)	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	25.187	25.187		15.112						
220	Bộ điều khiển giáo viên	Phòng Ngoại ngữ 1	1	33.900	33.900		25.425						
221	Bộ chuyển đổi tín hiệu đầu vào cho bàn điều khiển giáo viên Hiclass V IK3000V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	31.955	31.955		23.966						
222	Bộ bàn gỗ phòng họp	Trường THPT Tân Bình	1	23.880	23.880				x				
223	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
224	Chuông báo giờ học	Trường THPT Tân Bình	1	10.000		10.000							
225	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
226	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
227	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
228	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
229	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
230	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
231	Bàn thí nghiệm Hóa của giáo viên tích hợp Tủ điều chỉnh điện trung tâm	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	32.550	32.550		24.412						
232	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 4	Phòng nghỉ GV tầng 4	1	11.500	11.500		8.625						
233	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 3	Phòng nghỉ giáo viên tầng 3	1	11.500	11.500		8.625						
234	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 2	Phòng NGHỈ Giáo viên tầng 2	1	11.500	11.500		8.625						
235	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
236	Bàn oval uống nước phòng nghỉ GV 1	Phòng NGHỈ Giáo viên tầng 2	1	11.500	11.500		8.625						
237	Bàn họp hình chữ nhật	Phòng hội đồng	1	68.000	68.000		51.000						
238	Bàn ghế giáo viên hình chữ L	Phòng Ngoại ngữ 1	1	14.503	14.503		10.877						
239	Bàn ghế giáo viên hình chữ L	Phòng ngoại ngữ 2	1	13.487	13.487		10.116						
240	Bàn để tài liệu	PHÒNG Thiết bị	1	11.500	11.500		8.625						
241	Ampli Toa A - 2240	Trường THPT Tân Bình	1	7.850	7.850				X				
242	Ampli - Loa thùng - Micro không dây cầm tay	Phòng Ngoại ngữ 1	1	13.237	13.237		7.942						
243	Ampli - Loa thùng - Micro có dây cầm tay	Phòng ngoại ngữ 2	1	11.239	11.239		6.744						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
244	Ampli - Loa thùng - Micro	Phòng thực hành Tin học	1	10.733	10.733		6.440						
245	Bàn oval uống nước phòng giám thị	Phòng giám thị, tiếp dân	1	11.500	11.500		8.625						
246	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
247	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		9.310						
248	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
249	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
250	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
251	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
252	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
253	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
254	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		9.310						
255	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
256	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
257	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
258	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
259	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
260	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
261	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
262	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
263	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
264	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
265	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
266	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
267	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng Thực hành sinh	1	12.727	12.727		9.545						
268	Bàn thí nghiệm học sinh 2 chỗ	Phòng thực hành hóa tầng 1	1	13.792	13.792		10.344						
269	Dàn âm thanh	Trường THPT Tân Bình	1	57.750	57.750				X				
270	Giường nâng inox, 2 tư thế	Phòng Thực hành Lý	1	14.800	14.800		11.840						
271	Hệ thống cable cho phòng Hiclass V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	26.489	26.489		19.867						
272	Máy tính B-FPT Elead	Trường THPT Tân Bình	3	35.128	35.128				X				
273	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	35	501.025	501.025				X				
274	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	5	78.100	78.100				X				
275	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	2	18.000	18.000				X				
276	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	1						X				
277	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	1	15.635	15.635				X				
278	Máy tính	Trường THPT Tân Bình	35						X				
279	Máy photocopy: (kể cả chân đế máy đi kèm) văn phòng	Phòng Thực hành Lý	1	59.500	59.500		35.700						
280	Máy tính cho gio vin	Trường THPT Tân Bình	2	31.564	31.564				X				
281	Máy photo KONIKA bizhub 210	Trường THPT Tân Bình	1	39.600	39.600				X				
282	Máy pho siêu tốc Risô CZ 180	Trường THPT Tân Bình	1	69.900	69.900				X				
283	Máy lạnh văn phòng	Văn Phòng	1	20.000	20.000		15.000						
284	Máy lạnh treo tường 2 HP	Trường THPT Tân Bình	2	23.280		23.280	8.730						
285	Máy lạnh phòng Kế toán	Phòng Kế toán	1	20.000	20.000		15.000						
286	Máy lạnh Loại 1	Trường THPT Tân Bình	6	81.000	81.000		30.375						
287	Máy in Toshiba	Trường THPT Tân Bình	1	27.300	27.300				X				
288	Máy in Laser đen - trắng để in khổ giấy A3	Văn Phòng	1	20.800	20.800		12.480						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
289	Máy in	Trường THPT Tân Bình	1	74.280		74.280							
290	Máy photo Fuji Xerox DC V3065CPS	Trường THPT Tân Bình	1	81.000	81.000				x				
291	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
292	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
293	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
294	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
295	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
296	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
297	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
298	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
299	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
300	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
301	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
302	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
303	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
304	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
305	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
306	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
307	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
308	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
309	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
310	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
311	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
312	Máy tính cho học sinh	Phòng thực hành Tin học	1	14.311	14.311		8.586						
313	Máy điều hòa Pansasonic 1 HP	Trường THPT Tân Bình	1	12.800	12.800				x				
314	Máy điều hòa MitsubishiElectric	Trường THPT Tân Bình	1	11.140	11.140				x				
315	Máy điều hòa Aqua 2HP	Trường THPT Tân Bình	4	49.400	49.400				x				
316	Máy điều hòa	Trường THPT Tân Bình	2	28.000	28.000				x				
317	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A6	1	69.990	69.990		41.994						
318	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A8	1	69.990	69.990		41.994						
319	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A5	1	69.990	69.990		41.994						
320	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A4	1	69.990	69.990		41.994						
321	Máy chiếu cự ly gần	Trường THPT Tân Bình	2	69.572	69.572				x				
322	Máy chiếu - Màn chiếu Loại 2	Trường THPT Tân Bình	2	54.000	54.000								
323	Máy chiếu	Trường THPT Tân Bình	4	130.504	130.504				x				
324	Máy chiếu	Trường THPT Tân Bình	4						x				
325	Máu chiếu tích hợp tương tác	Trường THPT Tân Bình	5	208.750	208.750				x				
326	Loa ko	Trường THPT Tân Bình	1	7.000	7.000				x				
327	Kính hiển vi phóng đại 1600X, 2 thị kính	Phòng Thực hành sinh	1	13.700	13.700		10.275						
328	Kính hiển vi 1 mắt M-100 Fled (OpTika)	Trường THPT Tân Bình	1	6.800	6.800				x				

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)			Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh/ liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
329	Khởi điều khiển học viên 2 cổng Hiclass V	Phòng Ngoại ngữ 1	1	12.351	12.351		9.263						
330	Kết sắt chống cháy	Trường THPT Tân Bình	1	15.350	15.350				x				
331	Kết sắt	Văn Phòng	1	19.800	19.800		14.850						
332	Kệ thư viện(D 182 x R40xC180cm)	Trường THPT Tân Bình	1	5.124	5.124				x				
333	Kệ để thiết bị âm(Sắt)(0x0+1)	Trường THPT Tân Bình	1	5.124	5.124				x				
334	Hệ thống lọc nước uống tinh khiết	Phòng Thực hành Lý	1	164.000	164.000		98.400						
335	Hệ thống đường ống dẫn nước sạch	Phòng Thực hành Lý	1	26.500	26.500		15.900						
336	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A1	1	69.990	69.990		41.994						
337	Tủ trưng bày phòng truyền thống	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875						
338	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A4	1	69.990	69.990		41.994						
339	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A4	1	69.990	69.990		41.994						
340	Máy đếm tiền XIUDUN 2200-UV	Trường THPT Tân Bình	1	5.390	5.390				x				
341	Máy chụp hình Sony KTS DSC-H 400/BCE 32 Imciso 10513674	Trường THPT Tân Bình	1	7.490	7.490				x				
342	Máy chủ CMS Solomon Sever	Trường THPT Tân Bình	1	13.440	13.440				x				
343	Máy chiếu vật thể phòng NN2	Phòng ngoại ngữ 2	1	21.944	21.944		13.166						
344	Máy chiếu vật thể	Trường THPT Tân Bình	2	44.764	44.764				x				
345	Máy chiếu Panasonic PT-VX42Z	Trường THPT Tân Bình	1	19.900	19.900				x				
346	Máy chiếu Panasonic PT-TW341R	Trường THPT Tân Bình	4	148.400	148.400				x				
347	Máy chiếu đa năng tích hợp bảng tương tác điện tử thông minh NEC phòng NN2	Phòng ngoại ngữ 2	1	28.366	28.366		17.020						
348	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A2	1	69.990	69.990		41.994						
349	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A6	1	69.990	69.990		41.994						
350	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A5	1	69.990	69.990		41.994						

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng					
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh liên kết
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
351	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A7	1	69.990	69.990		41.994						
352	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A1	1	69.990	69.990		41.994						
353	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A2	1	69.990	69.990		41.994						
354	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A2	1	69.990	69.990		41.994						
355	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A5	1	69.990	69.990		41.994						
356	Máy chiếu đa năng	Lớp 10A3	1	69.990	69.990		41.994						
357	Máy chiếu đa năng	Lớp 12A3	1	69.990	69.990		41.994						
358	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A1	1	69.990	69.990		41.994						
359	Máy chiếu đa năng	Lớp 11A3	1	69.990	69.990		41.994						
360	Tủ trưng bày phòng truyền thống	Phòng Thực hành Lý	1	14.500	14.500		10.875						

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)



Hà Thị Thủy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thế Cường

Ngày 20 tháng 01 năm 2024.

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh
Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương
Mã đơn vị: 1015604
Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG
Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
I	Đất	14.228.640		14.228.640												
1	Quyền sử dụng đất tại Đường tỉnh 747, Ấp 3, Xã Tân Bình, Huyện Bắc Tân Uyên, Bình Mỹ, Tân Uyên, Bình Dương	14.228.640		14.228.640	x											
II	Nhà	10.165.049		1.550.982												
1	Nhà bảo vệ tại	15.786		1.894	x											
2	Nhà tập thể - 2 phòng tại	24.000			x											
3	Nhà tập thể - 3 phòng tại	23.181			x											
4	Nhà tập thể - 3 phòng tại	30.000			x											
5	Nhà tập thể - 4 phòng tại	999.217		466.035	x											
6	Nhà tập thể - 5 phòng tại	47.423			x											
7	Phòng học tại	3.847.865		461.744	x											
8	Phòng làm việc, phòng chức năng tại	5.177.577		621.309	x											
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác	1.693.156	646.510	77.989												
1	Amplý Toa A - 2240	7.850			x											



STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2	Bảng tương tác cho giáo viên có giá đỡ				x											
3	Bộ bàn gỗ phòng họp	23.880			x											
4	Bộ salon	18.500			x											
5	Camera quan sát	19.398			x											
6	Chuông báo giờ học		10.000		x											
7	Dàn âm thanh	57.750			x											
8	Kệ để thiết bị âm(Sắt)(0x0+1)	5.124			x											
9	Kệ thư viện(D 182 x R40xC180cm)	5.124			x											
10	Kết sắt chống cháy	15.350			x											
11	Kính hiển vi 1 mắt M-100 Fled (OpTika)	6.800			x											
12	Loa ko	7.000			x											
13	Máy chiếu	130.504			x											
14	Máy chiếu				x											
15	Máy chiếu - Màn chiếu Loại 2	54.000			x											
16	Máy chủ CMS Solomon Sever	13.440			x											
17	Máy chụp hình Sony KTS DSC-H 400/BCE 32 Imciso 10513674	7.490			x											
18	Máy đếm tiền XIUDUN 2200- UV	5.390			x											
19	Máy điều hòa	28.000			x											
20	Máy điều hòa Aqua 2HP	49.400			x											
21	Máy điều hòa MitsubishiElectric	11.140			x											
22	Máy điều hòa Pansasonic 1 HP	12.800			x											
23	Máy in		74.280		x											

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
24	Máy in Toshiba	27.300			x											
25	Máy lạnh Loại 1	81.000		30.375	x											
26	Máy lạnh treo tường 2 HP		23.280	8.730	x											
27	Máy pho siêu tốc Risô CZ 180	69.900			x											
28	Máy photo KONIKA bizhub 210	39.600			x											
29	Máy tính				x											
30	Máy tính				x											
31	Máy tính thương hiệu VN		16.260		x											
32	Máy tính thương hiệu VN		502.250		x											
33	Máy vi tính				x											
34	Máy Vi tính Dell vos 15 3580	25.972			x											
35	Máy vi tính FPT Elead	24.800			x											
36	Máy vi tính FPT Elead	455.000			x											
37	Máy vi tính FPT Elead	33.222			x											
38	Máy vi tính FPT Elead	44.296			x											
39	Máy vi tính FPT Elead	14.450			x											
40	Máy vi tính FPT Elead	57.800			x											
41	Máy vi tính INTEL CORB2DUO-E7500-2.93GHZ	16.500			x											
42	Micro AKG WMS 40 PRONSINI 2	6.600			x											
43	Micro không dy AKG WMS40 mini doal vocal set	5.650			x											
44	Ổn áp	11.635			x											
45	Ổn áp 20KVA		10.440	3.915	x											
46	Ổn áp Robot 20KVA	10.450			x											

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Ngàn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Ngàn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
47	Smart Tivi Sam Sung		10.000	2.000	x											
48	Thiết bị kiểm tra đánh giá cho học sinh	96.560			x											
49	Ti vi JVC53 in	51.750			x											
50	Tivi LCD 32S8	41.745			x											
51	Tivi LCD LA-32A450CIXXV	16.500			x											
52	Tivi LED Chuẩn Full HD 60” + kèm giá treo Tivi	41.211		32.969	x											
53	Tủ hồ sơ	6.275			x											
54	Tủ hồ sơ	6.500			x											
55	Tủ hồ sơ 09K2 HP	5.850			x											
56	Tủ hồ sơ sắt	5.980			x											
57	Tủ hồ sơ sắt	17.670			x											

Ngày 20 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Hà Thị Thùy

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thế Cường

Bộ, tỉnh: Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo Dục và Đào Tạo Thành phố Hồ Chí Minh

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường THPT Tân Bình - Bình Dương

Mã đơn vị: 1015604

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

Mẫu số 09d-CK/TSC

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH KHAI THÁC NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH TỪ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Kinh doanh			Cho thuê							Liên doanh, liên kết				
		Số lượng/ diện tích tài sản kinh doanh	Hình thức kinh doanh	Số tiền thu được từ việc kinh doanh trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản cho thuê	Đơn giá thuê	Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức thuê tài sản	Hợp đồng cho thuê tài sản (số ngày...)	Thời hạn cho thuê (từ ... đến ...)	Số tiền thu được từ việc thuê tài sản trong năm (Nghìn đồng)	Số lượng/ diện tích tài sản liên doanh, liên kết	Đối tác liên doanh liên kết	Hình thức liên doanh, liên kết	Hợp đồng liên doanh, liên kết (số ..., ngày...)	Thời hạn liên doanh, liên kết (từ ... đến ...)	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I	Đất															
II	Nhà															
III	Xe ô tô															
IV	Tài sản cố định khác															
	Tổng cộng															

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Hà Thị Thùy

Ngày 20 tháng 01 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Thế Cường

